

**KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 4103000108 ngày 03 tháng 07 năm 2000, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 06 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.		
<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b>	Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp.		
<b>Vốn điều lệ</b>	80.000.000.000 đồng.		
<b>Địa chỉ</b>	Số 101, đường Tân Hóa, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.		
<b>Các chi nhánh</b>	Chi nhánh Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa - Nhà máy sản xuất bao bì nhựa.	Lô 16-18-20 KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	
	Cửa hàng kinh doanh sản phẩm bao bì và nguyên vật liệu nhựa.	98 Hùng Vương, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.	
	Chi nhánh Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa tại Long An.	Lô 16-18-20 KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	
<b>Hội đồng quản trị</b>	Ông Trương Tứ Đệ	Chủ tịch	Từ 31/01/2013 đến 27/06/2013
	Ông Quách Đức	Chủ tịch	Từ 27/06/2013
	Bà Lê Thị Út Hậu	Phó Chủ tịch	Từ 27/06/2013
	Ông Quách Đức	Thành viên	Từ 31/01/2013 đến 27/06/2013
	Ông Lê Văn Xuân	Thành viên	Từ 31/01/2013 đến 27/06/2013
	Ông Lê Quang Nghĩa	Thành viên	Từ 27/06/2013
	Ông Trương Tứ Đệ	Thành viên	Từ 27/06/2013
	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	Từ 27/06/2013
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	Từ 22/02/2013
<b>Người đại diện pháp luật</b>	Ông Nguyễn Thái Bình		
<b>Các sự kiện quan trọng trong năm</b>	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 của Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa số 22/3013/BB-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 01 năm 2013 thông qua Tờ trình 07/2013/TT-HĐQT ngày 16 tháng 01 năm 2013 về phương án phát hành 32.000.000 cổ phiếu cho các tổ chức và cá nhân sau đây: - Chi nhánh Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh Nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh 19.600.000 cổ phiếu Hình thức chuyển nợ thành vốn - Các nhà đầu tư khác 12.400.000 cổ phiếu Tuy nhiên, Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa vẫn chưa hoàn tất các thủ tục đăng ký phát hành với cơ quan quản lý Nhà nước.		
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn SGD.		

**XÁC NHẬN CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TRONG VIỆC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

---

**Nguyễn Thái Bình**

**Giám đốc**

Ngày ... tháng 04 năm 2014

Số. 0.../2014/SGD - BCKIT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Giám đốc**  
**Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của **Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa**, được lập ngày ... tháng 04 năm 2014, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### ***Trách nhiệm của Giám đốc***

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 21 tháng 03 năm 2013 có dạng ý kiến chấp nhận từng phần.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Chúng tôi đã không thể giám sát kiểm kê thực tế hàng tồn kho và tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vì tại thời điểm đó Chúng tôi không được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, Chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hợp lý của hàng tồn kho và tài sản cố định tại các thời điểm trên.

Hồ sơ quyết toán giá trị nhà văn phòng, kho, nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ tại lô 16-18-20 đường An Hạ, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giữa Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa và Công ty TNHH xây dựng thương mại Quang Minh chưa được thống nhất. Do đó, giá trị nhà văn phòng, kho, nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ Công ty đang tạm ghi nhận 34.397.658.638 VND (thuyết minh V.9) có thể bị ảnh hưởng khi Công ty đã thực hiện quyết toán với Công ty TNHH xây dựng thương mại Quang Minh.

Chúng tôi chưa được cung cấp các thông tin thích hợp về cơ sở ghi nhận khoản mục Giá vốn hàng bán với giá trị

46.162.443.005 VND (thuyết minh VI.2) trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo, Chúng tôi vẫn chưa thu thập đầy đủ bằng chứng của các khoản mục sau đây

- Phải thu khách hàng	(thuyết minh V.2)	29.358.689.990
- Trả trước cho người bán	(thuyết minh V.3)	2.966.666.959
- Các khoản phải thu khác	(thuyết minh V.4)	2.596.192.500
- Tài sản ngắn hạn khác		165.542.651
- Phải trả người bán	(thuyết minh V.13)	39.122.544.308
- Người mua trả tiền trước	(thuyết minh V.14)	4.086.758.516
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	(thuyết minh V.16)	48.654.259.184

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty tiếp tục bị lỗ 47.870.803.719 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 285.428.129.867 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 179.967.974.902 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa** tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn SGD**

---

**Nguyễn Công Hiệp - Giám đốc**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0964-2013-232-1

*Ngày...tháng...năm...*

---

**Mai Thị Kim Dung – Kiểm toán viên**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1163-2013-232-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>16.011.266.656</b>	<b>20.440.753.764</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>541.964.068</b>	<b>67.818.634</b>
111	1. Tiền		541.964.068	67.818.634
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.133.530.910</b>	<b>11.252.338.669</b>
131	1. Phải thu của khách hàng	V.2	34.645.375.582	32.618.455.878
132	2. Trả trước cho người bán	V.3	3.221.666.959	2.874.369.909
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	V.4	2.596.192.500	2.558.572.500
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(33.329.704.131)	(26.799.059.618)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>7.195.029.091</b>	<b>8.339.552.547</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.6	7.195.029.091	8.339.552.547
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.140.742.587</b>	<b>781.043.914</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	43.500.000	26.319.999
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		336.778.672	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	594.921.264	594.921.264
158	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
159	5. Tài sản ngắn hạn khác		165.542.651	159.802.651

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Tài sản</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>109.205.374.409</b>	<b>123.001.943.893</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>108.685.615.253</b>	<b>122.436.001.105</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	91.590.754.532	104.929.213.295
222	- Nguyên giá		191.648.765.429	191.497.908.382
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(100.058.010.897)	(86.568.695.087)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	17.094.860.721	17.506.787.810
228	- Nguyên giá		19.432.421.981	19.432.421.981
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.337.561.260)	(1.925.634.171)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>519.759.156</b>	<b>565.942.788</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	519.759.156	565.942.788
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b><u>125.216.641.065</u></b>	<b><u>143.442.697.657</u></b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>259.365.241.558</b>	<b>229.633.294.431</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>195.979.241.558</b>	<b>166.247.294.431</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	71.582.400.000	71.582.400.000
312	2. Phải trả người bán	V.13	39.601.338.281	38.025.554.972
313	3. Người mua trả tiền trước	V.14	4.086.758.516	4.450.750.364
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	673.439.204	649.581.370
315	5. Phải trả người lao động		536.985.907	452.843.094
316	6. Chi phí phải trả		-	3.277.610.224
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.16	79.498.319.650	47.808.554.407
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
321	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	-
322	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>63.386.000.000</b>	<b>63.386.000.000</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		11.000.000	11.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.17	63.375.000.000	63.375.000.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(134.148.600.493)</b>	<b>(86.190.596.774)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.18</b>	<b>(134.148.600.493)</b>	<b>(86.190.596.774)</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.691.707.800	62.691.707.800
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.139.666.270	6.139.666.270
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.448.155.304	2.448.155.304
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(285.428.129.867)	(237.470.126.148)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b><u>125.216.641.065</u></b>	<b><u>143.442.697.657</u></b>

Ngày .. tháng .. năm 2014

---

**Nguyễn Thị Hoàng Lan**  
 Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Thái Bình**  
 Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**
**Năm 2013**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.698.967.493	54.322.644.456
02	2. Các khoản giảm trừ		(80.802.000)	-
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VI.1</b>	<b>35.618.165.493</b>	<b>54.322.644.456</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	46.870.107.071	77.964.070.669
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>(11.251.941.578)</b>	<b>(23.641.426.213)</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		40.233.822	70.062.756
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	13.150.875.833	21.577.232.047
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>13.147.185.833</i>	<i>20.584.869.242</i>
24	8. Chi phí bán hàng	VI.4	1.826.813.357	1.706.238.680
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	14.825.391.970	38.247.403.103
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(41.014.788.916)</b>	<b>(85.102.237.287)</b>
31	11. Thu nhập khác		128.370	1.069.110.815
32	12. Chi phí khác	VI.6	6.856.143.173	7.931.366.657
40	13. <b>Lợi nhuận khác</b>		<b>(6.856.014.803)</b>	<b>(6.862.255.842)</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(47.870.803.719)</b>	<b>(91.964.493.129)</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	(5.984)	(11.496)

 Ngày  tháng  năm 2014

 Nguyễn Thị Hoàng Lan  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Thái Bình  
 Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**
**Năm 2013**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		32.361.269.423	43.875.726.175
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp		(32.688.137.940)	(40.835.884.383)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.833.594.895)	(9.171.537.321)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(336.388.889)	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.827.530.345	15.774.917.589
07	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.896.766.432)	(6.126.100.831)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>		<b>433.911.612</b>	<b>3.517.121.229</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ, TS dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu thanh lý TSCĐ và TS dài hạn khác		-	830.707.072
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia		40.233.822	70.062.756
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>40.233.822</b>	<b>900.769.828</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)**
**Năm 2013**
*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH		-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu		-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(6.968.661.737)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(6.968.661.737)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>474.145.434</b>	<b>(2.550.770.680)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>V.1</b>	<b>67.818.634</b>	<b>2.618.589.314</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái ngoại tệ			
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>V.1</b>	<b>541.964.068</b>	<b>67.818.634</b>

Ngày .. tháng .. năm 2014

**Nguyễn Thị Hoàng Lan**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thái Bình**  
 Giám đốc

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Áp dụng qui định kế toán mới**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

**3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 08

**7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (558 tháng).

***Phần mềm thiết kế vỏ bao***

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm thiết kế đã hết thời gian khấu hao.

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

#### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

#### **11. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **12. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**
***Doanh thu bán thành phẩm***

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Doanh thu gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số .

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**
**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	276.750.780	52.265.780
Tiền gửi ngân hàng	265.213.288	15.552.854
<b>Cộng</b>	<b>541.964.068</b>	<b>67.818.634</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hoàng Ngọc Lan	9.334.217.400	9.334.217.400
Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại Trần Gia	4.706.199.540	4.706.199.540
Công ty TNHH thương mại Vinh Phú	4.100.200.570	4.100.200.570
Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất xuất nhập khẩu Vạn Phước Thành	2.326.988.001	-
Doanh nghiệp tư nhân Thiên Thanh	2.253.104.000	2.253.104.000
Công ty TNHH sản xuất thương mại Trường Minh Phúc	1.790.593.132	1.790.593.132
EURO PACKAGING UK LIMITED	859.545.901	859.545.901
Doanh nghiệp tư nhân thương mại và sản xuất Vạn Phước Thành	794.925.000	794.925.000
Công ty TNHH CPP	748.446.746	898.446.746
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hợp Tiến	707.498.000	707.498.000

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty cổ phần NIVL	668.250.000	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại Diễm Thành	597.785.000	597.785.000
Công ty TNHH thương mại và sản xuất giày Thanh Hải	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH sản xuất bao bì nhựa Trường Thịnh Phú	549.518.950	549.518.950
ALL BAGS SRL	484.604.035	484.604.035
Chi nhánh Công Ty TNHH Cargill Việt Nam tại Long An	480.243.060	262.682.234
Công ty cổ phần màng bao bì Vinh Nam Phát	397.375.500	788.093.600
Các khách hàng khác	3.295.880.747	3.941.041.770
<b>Cộng</b>	<b>34.645.375.582</b>	<b>32.618.455.878</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH xây dựng thương mại Quang Minh	2.324.912.332	2.324.912.332
Doanh nghiệp tư nhân Tân Nghĩa	255.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	641.754.627	549.457.577
<b>Cộng</b>	<b>3.221.666.959</b>	<b>2.874.369.909</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu tiền bồi thường thiệt hại do vận chuyển của Công ty CP hàng hải liên kết Việt Nam	46.956.000	46.956.000
Phải thu tiền bồi thường thiệt hại do vận chuyển Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thái Dương Toàn Cầu	186.815.800	186.815.800
Phải thu tiền bồi thường thiệt hại do vận chuyển Công Ty TNHH giao nhận quốc tế Sông Lam	239.867.332	239.867.332
Phải thu cơ quan BHXH tiền thai sản	140.360.740	140.360.740
Phải thu tiền bồi thường thiệt hại do thất thoát thành phẩm	987.452.110	987.452.110
Thuế GTGT nhập mua nhựa chưa có hóa đơn	709.495.000	709.495.000
Các khoản chi hộ	227.668.886	227.668.886
Phải thu khác	57.576.632	19.956.632
<b>Cộng</b>	<b>2.596.192.500</b>	<b>2.558.572.500</b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	9.430.693.014	2.900.048.501
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.138.826.653	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	408.759.477	276.226.836



- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	7.883.106.884	2.623.821.665
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	23.899.011.117	23.899.011.117
<b>Cộng</b>	<b>33.329.704.131</b>	<b>26.799.059.618</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	26.799.059.618
Trích lập dự phòng bổ sung	6.530.644.513
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.329.704.131</b>

## 6. Hàng tồn kho

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.106.885.621	1.926.249.963
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.881.693.775	4.112.966.330
Thành phẩm	2.206.449.695	2.300.336.254
<b>Cộng</b>	<b>7.195.029.091</b>	<b>8.339.552.547</b>

## 7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

## 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại **phụ lục 01**.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 91.336.573.350 VND và 64.209.368.662 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Chi nhánh Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh (thuyết minh V.12 và V.17).

## 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm thiết kế</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	18.831.589.599	600.832.382	19.432.421.981
<b>Số cuối năm</b>	<b>18.831.589.599</b>	<b>600.832.382</b>	<b>19.432.421.981</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	600.832.382	600.832.382
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.328.086.789	597.547.382	1.925.634.171
Tăng trong năm	408.642.089	3.285.000	411.927.089
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.736.728.878</b>	<b>600.832.382</b>	<b>2.337.561.260</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	17.503.502.810	3.285.000	17.506.787.810
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.094.860.721</b>	<b>-</b>	<b>17.094.860.721</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 18.831.589.599 VND và 17.503.502.810 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh (thuyết minh V.12 và V.17).

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Phân bổ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa	143.022.146	354.012.455	(189.702.095)	307.332.506
Công cụ, dụng cụ	422.920.642	190.547.846	(401.041.838)	212.426.650
<b>Cộng</b>	<b>565.942.788</b>	<b>544.560.301</b>	<b>(590.743.933)</b>	<b>519.759.156</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân		
- Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp <sup>(i)</sup>	56.582.400.000	56.582.400.000
- Ông Nguyễn Minh Tiến <sup>(ii)</sup>	3.000.000.000	3.000.000.000
- Bà Huỳnh Thu Hà <sup>(iii)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000
- Bà Đỗ Thị Lan Chi <sup>(iv)</sup>	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ông Trương Tứ Đệ <sup>(v)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.582.400.000</b>	<b>71.582.400.000</b>

- (i) Khoản vay Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2012-HĐMBN ngày 11 tháng 12 năm 2012 với lãi suất thay đổi từ 11,80%/năm đến 13,00%/năm.
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Nguyễn Minh Tiến để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán lãi, thời hạn vay một (01) năm.
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Huỳnh Thu Hà để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán lãi, thời hạn vay một (01) năm.
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Trương Tứ Đệ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán lãi, thời hạn vay một (01) năm.
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Đỗ Thị Lan Chi để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán lãi, thời hạn vay một (01) năm.

**12. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Bình Kim	17.492.081.444	16.443.971.340
Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất xuất nhập khẩu Vạn Phước Thành	14.495.461.098	14.336.487.507
Công ty TNHH sản xuất thương mại Tấn Hưng	2.039.242.500	2.039.242.500
BFM S.R.L	1.491.729.270	1.491.729.270
Công ty TNHH Thuận Lợi	542.228.000	622.200.000

Chi nhánh một Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tân Việt Sinh	466.214.200	469.907.200
Công ty TNHH Vina Film	397.375.500	-
Chi nhánh Công ty cổ phần phát triển hàng hải tại TP.HCM	262.027.504	262.027.504
Công ty TNHH sản xuất thương mại Hòa Nhơn	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH ATA Machinery ( H.K.)	218.694.000	218.694.000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Huy Hoàng	203.773.736	203.773.736
Các nhà cung cấp khác	1.742.511.029	1.687.521.915
<b>Cộng</b>	<b>39.601.338.281</b>	<b>38.025.554.972</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Đông Nam Á	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Impack Srl unipersonle	877.845.765	877.845.765
Công ty TNHH CJ Agri Vina	101.188.450	66.988.450
Các khách hàng khác	107.724.301	505.916.149
<b>Cộng</b>	<b>4.086.758.516</b>	<b>4.450.750.364</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (\*)**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế GTGT đầu ra	343.343.399	647.037.442	(647.037.442)	343.343.399
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	98.099.880	(98.099.880)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	43.738.800	(43.738.800)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(594.921.264)	-	-	(594.921.264)
Thuế thu nhập cá nhân	306.237.971	157.247.988	(133.390.154)	330.095.805
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>54.660.106</b>	<b>949.124.110</b>	<b>(925.266.276)</b>	<b>78.517.940</b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Năm 2013, hoạt động kinh doanh bị lỗ nên Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

(\*) Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số liệu khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ thay đổi khi có quyết định của cơ quan thuế.

**15. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 năm 2013 phải trả người lao động.

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	-	6.898.173
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	44.060.466	236.696.204
Phải trả lãi vay cho Chi nhánh Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	42.348.083.385	26.320.656.217
Phải trả tiền mượn của Ông Nguyễn Tất Thắng	30.800.000.000	15.000.000.000
Phải trả tiền mượn của Bà Nguyễn Thị Mỹ Châu	5.706.748.710	5.706.748.710
Cổ tức còn phải trả	293.386.217	293.386.217
Phải trả khác	306.040.872	244.168.886
<b>Cộng</b>	<b>79.498.319.650</b>	<b>47.808.554.407</b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

Khoản vay Chi nhánh Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động và đầu tư xây dựng cơ bản với lãi suất thay đổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (thuyết minh V.8 và V.9).

**18. Vốn chủ sở hữu**
***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở **phụ lục 02** đính kèm.

***Cổ phiếu***

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**
**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng doanh thu	35.698.967.493	54.322.644.456
- Doanh thu bán hàng hóa	1.282.671.514	-
- Doanh thu bán thành phẩm	34.060.960.479	54.322.644.456
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	355.335.500	-
Hàng bán trả lại	(80.802.000)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>35.618.165.493</b>	<b>54.322.644.456</b>
Trong đó		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.282.671.514	-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	33.980.158.479	54.322.644.456
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	355.335.500	-

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hàng hóa	1.332.241.722	-
Giá vốn thành phẩm(*)	43.530.735.381	77.964.070.669
Giá vốn gia công	2.007.129.968	-
<b>Cộng</b>	<b>46.870.107.071</b>	<b>77.964.070.669</b>

(\*) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<b>Năm nay</b>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	24.380.814.602
Chi nhân công trực tiếp	6.691.963.925
Chi phí sản xuất chung	12.783.115.968
- Chi phí vật liệu sản xuất	547.567.655
- Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	1.469.436.279
- Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị	7.067.859.260
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.954.012.500
- Chi phí khác bằng tiền	744.240.274
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>43.855.894.495</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(231.272.555)
<b>Tổng giá thành sản xuất</b>	<b>43.624.621.940</b>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(93.886.559)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>43.530.735.381</b>

**3. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	13.147.185.833	20.584.869.242
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	185.502.500
Chi phí khác	3.690.000	806.860.305
<b>Cộng</b>	<b>13.150.875.833</b>	<b>21.577.232.047</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	1.396.237.754	1.706.238.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.418.603	-
Chi phí khác	55.157.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.826.813.357</b>	<b>1.706.238.680</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.111.201.593	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	632.210.664	-
Thuế, phí và lệ phí	381.690.727	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.530.644.513	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.081.303.551	38.247.403.103
Chi phí bằng tiền khác	2.088.340.922	-
<b>Cộng</b>	<b>14.825.391.970</b>	<b>38.247.403.103</b>

**6. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ hư hỏng, không tham gia vào hoạt động SXKD	6.731.630.585	-
Thanh lý TSCĐ	-	904.775.632
Chi phí phạt do quá hạn thanh toán các khoản vay	-	5.499.095.945
Phạt vi phạm hành chính	124.512.588	-
Chi phí khác	-	1.527.495.080
<b>Cộng</b>	<b>6.856.143.173</b>	<b>7.931.366.657</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(47.870.803.719)	(91.964.493.129)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(47.870.803.719)	(91.964.493.129)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(5.984)</b>	<b>(11.496)</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.397.818.536
Chi phí nhân công	12.199.403.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.700.069.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.410.734.654
Chi phí khác	2.887.738.196
<b>Cộng</b>	<b>53.595.764.582</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**
**1. Giao dịch với các bên liên quan**
***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hội đồng quản trị	5.000.000.000	5.000.000.000
Các cá nhân có liên quan	15.706.748.710	15.706.748.710
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>20.706.748.710</b>	<b>20.706.748.710</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất xuất nhập khẩu Vạn Phước Thành	Liên quan thành viên Hội đồng quản trị
Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất Vạn Phước Thành	Liên quan thành viên Hội đồng quản trị
Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Bình Kim	Liên quan thành viên Hội đồng quản trị

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất xuất nhập khẩu Vạn Phước Thành</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	7.468.534.291	22.990.950.071
Bán thành phẩm	5.731.983.812	21.744.476.578

***Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Bình Kim***

Mua nguyên vật liệu	994.536.462	1.220.291.030
Bán thành phẩm	-	3.808.775.290

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất Vạn Phước Thành</i></b>		
Phải thu tiền bán thành phẩm	794.925.000	794.925.000

***Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất xuất nhập khẩu Vạn Phước Thành***

Phải thu tiền bán thành phẩm	2.326.988.001	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>3.121.913.001</b>	<b>794.925.000</b>

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất xuất nhập khẩu Vạn Phước Thành</i></b>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	14.495.461.098	14.336.487.507



	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Bình Kim</b>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	17.492.081.444	16.443.971.340
<b>Doanh nghiệp tư nhân thương mại sản xuất Vạn Phước Thành</b>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	132.507.000	132.507.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>32.120.049.542</b>	<b>30.912.965.847</b>

## 2. Các sai sót

Trong năm, Công ty đã được cơ quan thuế thực hiện quyết toán Thuế và các khoản nộp Nhà nước từ năm 2010 đến năm 2012. Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bị ảnh hưởng bởi sự kiện nêu trên.

Ngoài ra, Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đang trình bày Quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lô 16 – 18, khu công nghiệp Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ở khoản mục Chi phí trả trước dài hạn là chưa phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Ảnh hưởng của các sai sót nêu trên đến số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

<b>Mã số</b>	<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước</b>	<b>Các điều chỉnh</b>	<b>Số liệu sau điều chỉnh</b>	
<b>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</b>				
152	Thuế GTGT được khấu trừ	4.774.045.328	(4.774.045.328)	-
221	Tài sản cố định hữu hình	108.605.001.036	(3.675.787.741)	104.929.213.295
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(82.892.907.346)	(3.675.787.741)	(86.568.695.087)
227	Tài sản cố định vô hình	3.285.000	17.503.502.810	17.506.787.810
228	Nguyên giá	600.832.382	18.831.589.599	19.432.421.981
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(597.547.382)	(1.328.086.789)	(1.925.634.171)
261	Chi phí trả trước dài hạn	18.069.445.598	(17.503.502.810)	565.942.788
311	Vay và nợ ngắn hạn	15.000.000.000	56.582.400.000	71.582.400.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.518.930.607	(3.869.349.237)	649.581.370
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	167.765.954.407	(119.957.400.000)	47.808.554.407
334	Vay và nợ dài hạn	-	63.375.000.000	63.375.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(232.889.642.316)	(4.580.483.832)	(237.470.126.148)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp</b>				
11	Giá vốn hàng bán	74.288.282.928	3.675.787.741	77.964.070.669
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(19.965.638.472)	(3.675.787.741)	(23.641.426.213)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(88.288.705.388)	(3.675.787.741)	(91.964.493.129)

**3. Quản lý rủi ro tài chính*****Tài sản đảm bảo******Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty thế chấp Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của Chi nhánh Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.9 và V.10). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 64.209.368.662 VND.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

**4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty tiếp tục bị lỗ 47.870.803.719 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 285.428.129.867 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 179.967.974.902 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**5. Thông tin khác**

Số dư đầu năm và số liệu so sánh năm trước được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Ngày .. tháng .. năm 2014

---

**Nguyễn Thị Hoàng Lan**  
Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Thái Bình**  
Giám đốc

**Phụ lục 01 – Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	39.426.466.884	146.351.492.141	5.004.330.486	715.618.871	191.497.908.382
Mua sắm mới	-	1.174.746.193	-	-	1.174.746.193
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(24.624.000)	(548.430.613)	(211.877.296)	(238.957.237)	(1.023.889.146)
<b>Số cuối năm</b>	<b>39.401.842.884</b>	<b>146.977.807.721</b>	<b>4.792.453.190</b>	<b>476.661.634</b>	<b>191.648.765.429</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.234.641.782	1.644.379.273	3.200.975.403	169.857.634	8.249.854.092
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	7.873.130.434	74.110.993.915	4.124.621.867	459.948.871	86.568.695.087
Tăng trong năm	1.590.959.138	12.604.022.417	195.083.454	38.350.500	14.428.415.509
<i>Khấu hao của những tài sản tham gia hoạt động kinh doanh</i>	<i>1.590.959.138</i>	<i>5.891.364.732</i>	<i>176.110.554</i>	<i>38.350.500</i>	<i>7.696.784.924</i>
<i>Khấu hao của những tài sản đã hư hỏng ngừng sử dụng</i>	-	<i>6.712.657.685</i>	<i>18.972.900</i>	-	<i>6.731.630.585</i>
<i>Giảm</i>					
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(3.693.600)	(485.598.408)	(210.850.454)	(238.957.237)	(939.099.699)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.460.395.972</b>	<b>86.229.417.924</b>	<b>4.108.854.867</b>	<b>259.342.134</b>	<b>100.058.010.897</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	31.553.336.450	72.240.498.226	879.708.619	255.670.000	104.929.213.295
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.941.446.912</b>	<b>60.748.389.797</b>	<b>683.598.323</b>	<b>217.319.500</b>	<b>91.590.754.532</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	31.254.763.579	109.094.136	-	31.363.857.715
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**Phụ lục 02 – Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>62.691.707.800</b>	<b>6.139.666.270</b>	<b>2.448.155.304</b>	<b>(144.600.936.928)</b>	<b>6.678.592.446</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(91.964.493.129)	(91.964.493.129)
Trích nộp thuế TNCN theo Biên bản quyết toán	-	-	-	-	(123.273.583)	(123.273.583)
Trích nộp thuế GTGT theo Biên bản quyết toán	-	-	-	-	(781.422.508)	(781.422.508)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>62.691.707.800</b>	<b>6.139.666.270</b>	<b>2.448.155.304</b>	<b>(237.470.126.148)</b>	<b>(86.190.596.774)</b>
					-	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>62.691.707.800</b>	<b>6.139.666.270</b>	<b>2.448.155.304</b>	<b>(237.470.126.148)</b>	<b>(86.190.596.774)</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(47.870.803.719)	(47.870.803.719)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(87.200.000)	(87.200.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>62.691.707.800</b>	<b>6.139.666.270</b>	<b>2.448.155.304</b>	<b>(285.428.129.867)</b>	<b>(134.148.600.493)</b>